

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC**

DỰ ÁN GREP

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN TRƯỜNG TRUNG HỌC VỀ DẠY HỌC
TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG HIỆN HÀNH ĐÁP
ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH
MÔN: ÂM NHẠC LỚP 9**

(Dành cho tổ/nhóm trưởng chuyên môn)

Hà Nội, tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất - Những vấn đề chung	3
Phần thứ hai - Báo cáo kết quả so sánh, đối chiếu giữa Chương trình môn Âm nhạc 2006 với Chương trình môn Âm nhạc 2018	20
1. Báo cáo phân tích chi tiết những điểm giống nhau, khác nhau giữa chương trình môn Âm nhạc 2006 với chương trình môn Âm nhạc 2018	20
2. Rà soát, điều chỉnh nội dung dạy học theo Chương trình 2018	26
3. Phân phối chương trình sau khi điều chỉnh	33
Phần thứ ba - Tổ chức dạy học những nội dung được điều chỉnh trong môn Âm nhạc lớp 9 theo định hướng phát triển năng lực	37
1. Phương pháp dạy học môn Âm nhạc ở THCS	37
2. Thực hành dạy học những nội dung được điều chỉnh	38
3. Hướng dẫn kiểm tra đánh giá	47
Phần thứ tư - Kế hoạch tập huấn	51
Phần phụ lục	52
Tài liệu tham khảo	66

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. Nội dung chủ yếu của chương trình giáo dục phổ thông mới

Thực hiện mục tiêu của Nghị quyết 29: *"Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lí tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Hoàn thành việc xây dựng chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn sau năm 2015. Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; trung học phổ thông phải tiếp cận nghề nghiệp và chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm từ sau năm 2020."*, Chương trình giáo dục phổ thông mới được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản (từ lớp 1 đến lớp 9) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (từ lớp 10 đến lớp 12).

Nội dung giáo dục ở cấp Tiểu học bao gồm 11 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc¹ và 2 môn học tự chọn². Thời lượng giáo dục 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút (có hướng dẫn cho các trường chưa đủ điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày).

Nội dung giáo dục cấp trung học cơ sở bao gồm 12 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc³ và 2 môn học tự chọn⁴. Thời lượng giáo dục 1 buổi/ngày, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút (có hướng dẫn các trường đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày).

Nội dung giáo dục cấp trung học phổ thông gồm 7 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc⁵; 2 môn học tự chọn⁶; chọn 5 môn học từ 3 nhóm môn học (mỗi nhóm

¹Tiếng Việt; Toán; Đạo đức; Ngoại ngữ 1 (ở lớp 3, lớp 4, lớp 5); Tự nhiên và Xã hội (ở lớp 1, lớp 2, lớp 3); Lịch sử và Địa lí (ở lớp 4, lớp 5); Khoa học (ở lớp 4, lớp 5); Tin học và Công nghệ (ở lớp 3, lớp 4, lớp 5); Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm.

²Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1 (ở lớp 1, lớp 2).

³Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

⁴Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

⁵Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục thể chất; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương.

chọn ít nhất 1 môn học): Nhóm môn khoa học xã hội: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật; Nhóm môn khoa học tự nhiên: Vật lí, Hoá học, Sinh học; Nhóm môn công nghệ và nghệ thuật: Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật).

Các chuyên đề học tập: Mỗi môn học Ngữ văn, Toán, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Vật lí, Hoá học, Sinh học, Công nghệ, Tin học, Nghệ thuật có một số chuyên đề học tập tạo thành cụm chuyên đề học tập của môn học nhằm thực hiện yêu cầu phân hoá sâu, giúp học sinh tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp. Thời lượng dành cho mỗi chuyên đề học tập là 10 tiết hoặc 15 tiết; tổng thời lượng dành cho cụm chuyên đề học tập của một môn học là 35 tiết/năm học. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, học sinh chọn 3 cụm chuyên đề học tập của 3 môn học phù hợp với nguyện vọng của bản thân và khả năng tổ chức của nhà trường. Thời lượng giáo dục 1 buổi/ngày, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút (có hướng dẫn các trường đủ điều kiện thực hiện dạy học 2 buổi/ngày).

Với cấu trúc nội dung nêu trên, Chương trình giáo dục phổ thông mới bảo đảm theo yêu cầu của Nghị quyết 29, cụ thể như sau:

1. Chương trình giáo dục phổ thông mới kế thừa chương trình giáo dục phổ thông hiện hành về mục tiêu giáo dục con người toàn diện, giúp học sinh phát triển về đức, trí, thể, mĩ; các phương châm giáo dục nền tảng như "Học đi đôi với hành", "Lí luận gắn liền với thực tiễn", "Giáo dục nhà trường gắn liền với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội"; nội dung giáo dục tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hoá dân tộc, bảo đảm phù hợp với đặc điểm con người và văn hoá Việt Nam.

Về hệ thống môn học, hầu hết tên các môn học được giữ nguyên như Chương trình hiện hành. Trong Chương trình mới, chỉ có môn Tin học và Công nghệ, Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học, Lịch sử và Địa lí, Khoa học tự nhiên ở cấp trung học cơ sở và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông là những tên gọi mới. Việc đổi tên môn Kỹ thuật ở tiểu học thành Tin học và Công nghệ là do Chương trình mới bổ sung phần Tin học và tổ chức lại nội dung phần Kỹ thuật. Tuy nhiên, trong Chương trình hiện hành, môn Tin học đã được dạy từ lớp 3 như một môn tự chọn. Ở cấp trung học cơ sở, môn Khoa học tự nhiên gồm ba phân môn Vật lí, Hoá học, Sinh học và một số chủ đề tích hợp; môn Lịch sử và Địa lí cũng gồm hai phân môn Lịch sử, Địa lí và một số chủ đề tích hợp tương tự.

⁶Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2.

Hoạt động trải nghiệm hoặc Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cả ba cấp học cũng là một nội dung quen thuộc vì được xây dựng trên cơ sở các hoạt động giáo dục tập thể như chào cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Sao Nhi đồng, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (tham quan, lao động, hướng nghiệp, thiện nguyện, phục vụ cộng đồng,...) trong Chương trình hiện hành.

2. Chương trình giáo dục phổ thông mới bảo đảm tính giảm tải so với chương trình hiện hành. Bên cạnh một số kiến thức được cập nhật để phù hợp với những thành tựu mới của khoa học - công nghệ và định hướng mới của chương trình, kiến thức nền tảng của các môn học trong Chương trình mới chủ yếu là những kiến thức cốt lõi, tương đối ổn định trong các lĩnh vực tri thức của nhân loại, được kế thừa từ chương trình hiện hành, nhưng được tổ chức lại để giúp học sinh phát triển phẩm chất và năng lực một cách hiệu quả hơn. Những kiến thức nặng tính hàn lâm không thích hợp với học sinh phổ thông đã được cắt bỏ. Về thời lượng dạy học, Chương trình mới thực hiện giảm tải so với Chương trình hiện hành trên cơ sở bảo đảm sự tương quan về thời lượng dạy học giữa các môn học; bảo đảm sự kết nối giữa chương trình các cấp học trong một môn học và giữa chương trình các môn học chưa chặt chẽ; hạn chế tối đa những nội dung trùng lặp, chồng chéo hoặc chưa thật sự cần thiết đối với học sinh phổ thông trong chương trình.

Một trong những điểm quan trọng nhằm khắc phục sự quá tải của chương trình hiện hành⁷ là Chương trình mới được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực, thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực mà nhà trường và xã hội kì vọng. Theo cách này, kiến thức được dạy học không nhằm mục đích tự thân. Nói cách khác, giáo dục không phải để truyền thụ kiến thức mà nhằm giúp học sinh hoàn thành các công việc, giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống nhờ vận dụng hiệu quả và sáng tạo những kiến thức đã học.

Sự giảm tải của Chương trình còn được thể hiện ở phương pháp giáo dục mới phát huy tính tích cực của học sinh, khắc phục nhược điểm của phương pháp truyền thụ một chiều. Từ nhiều năm nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phổ biến và chỉ đạo áp dụng nhiều phương pháp giáo dục mới (như mô hình trường học mới, phương

⁷Chương trình hiện hành được xây dựng theo mô hình định hướng nội dung, nặng về truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng giúp học sinh vận dụng kiến thức học được vào thực tiễn; coi kiến thức vừa là "chất liệu", "đầu vào" vừa là "kết quả", "đầu ra" của quá trình giáo dục. Vì vậy, học sinh phải học và ghi nhớ rất nhiều gây quá tải nhưng khả năng vận dụng vào đời sống rất hạn chế.

pháp bàn tay nặn bột, giáo dục STEM,...); do đó, hầu hết giáo viên các cấp học đã được làm quen, nhiều giáo viên đã vận dụng thành thạo các phương pháp giáo dục mới.

3. Chương trình mới được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của nhiều nước có nền giáo dục phát triển như Anh, Australia, Bỉ, Đức, Hà Lan, Israel, Mỹ, Nhật Bản, Phần Lan,... Các định hướng cơ bản về phát triển giáo dục của thế giới thể hiện rất rõ nét trong Chương trình mới về mục tiêu giáo dục⁸; về mô hình giáo dục phát triển năng lực. Điểm khác biệt đáng kể so với Chương trình hiện hành và cũng là kết quả tiếp thu kinh nghiệm quốc tế là trong Chương trình mới, quá trình 12 năm học được chia làm hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản bao gồm cấp tiểu học (5 năm), cấp trung học cơ sở (4 năm) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, tương ứng với cấp trung học phổ thông (3 năm). Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tất cả học sinh đều học những nội dung giáo dục về cơ bản giống nhau. Ở giai đoạn giáo dục sau trung học cơ sở, học sinh được phân luồng và được lựa chọn môn học theo sở thích, năng lực và định hướng nghề nghiệp. Số năm ở tiểu học trong Chương trình của nhiều nước là 6 năm, số năm học ở giai đoạn giáo dục cơ bản là 10 năm (hoặc 11 năm với những nước có chương trình 13 năm). Tuy cách phân chia số năm học này có nhiều nét ưu việt, nhất là kéo dài thêm thời gian của giai đoạn giáo dục cơ bản, nhưng xét trên điều kiện thực tế, trong đó có điều kiện đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, Chương trình của nước ta chưa thể học theo cấu trúc này mà vẫn phải duy trì cấu trúc 5 – 4 – 3 như lâu nay.

4. Việc thiết kế một số môn tích hợp mới như Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí ở cấp trung học cơ sở được thiết kế dựa trên sự tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài. Định hướng chung là "tích hợp cao ở các lớp học dưới và phân hoá dần ở các lớp học trên", đáp ứng đúng yêu cầu của Nghị quyết 29 và Nghị quyết 88 của Quốc hội và cũng phù hợp với cách thiết kế nội dung giáo dục trong Chương trình của nhiều nước tiên tiến.

Chương trình môn "Lịch sử và Địa lí" được thiết kế theo các phần Lịch sử và Địa lí tương đối độc lập; ở mỗi lớp 7, 8, 9 có một chủ đề chung (6-10 tiết), Vì vậy việc bố trí giáo viên dạy môn này cơ bản giáo viên không thay đổi so với chương trình hiện hành.

⁸Để soạn thảo mục tiêu giáo dục của CT GDPT mới, CT GDPT tổng thể đã dựa trên quy định về mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục hiện hành của Việt Nam, đồng thời tham khảo mục tiêu giáo dục trong CT GDPT của nhiều quốc gia và định hướng giáo dục của các tổ chức quốc tế lớn, trong đó có Tuyên bố của UNESCO về "bốn trụ cột của giáo dục" (Pillars of Learning) – Học để biết, Học để làm, Học để chung sống, Học để tự khẳng định mình. Các ý tưởng cơ bản trong tuyên bố này được coi là mục tiêu giáo dục chung mà nhân loại hướng đến và đã được thể hiện đầy đủ trong phần mục tiêu giáo dục của CT GDPT tổng thể.

Chương trình môn Khoa học tự nhiên được xây dựng ở các lớp 6, 7, 8, 9 đều có 3 phần tương ứng với kiến thức thuộc lĩnh vực Vật lí, Sinh học, Hoá học được sắp xếp theo trình tự thời gian như sau: Lớp 6: Hoá học (20%) - Sinh học (38%) - Vật lí (32%); Lớp 7: Hoá học (24%) - Vật lí (28%) - Sinh học (38%); Lớp 8: Hoá học (31%) - Vật lí (28%) - Sinh học (31%); Lớp 9: Vật lí (30%) - Hoá học (31%) - Sinh học (29%). Tổng số tiết của 3 môn Vật lí, Hoá học, Sinh học trong chương trình hiện hành là 595 tiết; tổng số tiết của môn Khoa học tự nhiên là 560 tiết, giảm 35 tiết so với chương trình hiện hành. Tỷ lệ thời lượng giữa các lĩnh vực có dao động chút ít so với chương trình hiện hành và không ảnh hưởng lớn đến cơ cấu giáo viên.

5. Tính mở của Chương trình mới được thể hiện ở việc bảo đảm định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi, bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương và nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục, góp phần bảo đảm kết nối hoạt động của nhà trường với gia đình, chính quyền và xã hội. Chương trình chỉ quy định những nguyên tắc, định hướng chung về yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, không quy định quá chi tiết, để tạo điều kiện cho tác giả sách giáo khoa và giáo viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình.

6. Để tránh tình trạng nội dung giáo dục chậm đổi mới theo yêu cầu của xã hội, Chương trình mới sẽ được phát triển theo cách như nhiều nước tiên tiến đang áp dụng: thường xuyên đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện trong quá trình thực hiện nhằm làm cho Chương trình vừa bảo đảm tính ổn định và vừa có khả năng phát triển trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tiến bộ khoa học - công nghệ và yêu cầu của thực tế.

II. Điều chỉnh nội dung dạy học các chương trình môn học lớp 9 trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành đáp ứng yêu cầu học lớp 10 chương trình giáo dục phổ thông mới

Thực hiện Nghị quyết số 88 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 51 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết 88, Chương trình giáo dục phổ thông mới đã bắt đầu được triển khai từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1; năm học 2021-2022 đối với lớp 2 và lớp 6; năm học 2022-2023 đối với lớp 3, lớp 7 và lớp 10; năm học 2023-2024 đối với lớp 4, lớp 8 và lớp 11;

năm học 2024-2025 đối với lớp 5, lớp 9 và lớp 12. Theo lộ trình này, đến năm học 2022-2023, học sinh học xong lớp 9 theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành sẽ vào học lớp 10 theo chương trình giáo dục phổ thông mới. Để bảo đảm các điều kiện đầu vào cho học sinh vào học lớp 10 theo chương trình mới, việc điều chỉnh về nội dung và phương pháp dạy học đối với lớp 9 năm học 2021-2022 theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới cần được thực hiện như sau:

1. Đối với các nội dung kiến thức có cả trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và chương trình giáo dục phổ thông mới

Trong chương trình các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đối với mỗi nội dung/chủ đề dạy học được quy định mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng. Trong chương trình các môn học theo chương trình giáo dục phổ thông mới, các nội dung/chủ đề dạy học đó được quy định yêu cầu cần đạt về phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh khi học xong các nội dung/chủ đề đó. Vì vậy, đối với các nội dung/chủ đề này cần được điều chỉnh từ mức độ cần đạt về kiến thức, kỹ năng sang yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực quy định trong chương trình mới.

2. Đối với các nội dung kiến thức có trong chương trình lớp 9 mới nhưng không có trong chương trình lớp 9 hiện hành

Bổ sung nội dung kiến thức mới vào chương trình môn học ở thời điểm phù hợp theo hướng:

- Bổ sung, tích hợp vào các nội dung, chủ đề phù hợp để bảo đảm yêu cầu cần đạt theo chương trình mới.

- Bổ sung nội dung, chủ đề mới vào thời điểm phù hợp, bảo đảm học sinh có đủ điều kiện về kiến thức, kỹ năng để học thuận lợi.

3. Đối với các nội dung kiến thức có trong chương trình môn học lớp 9 hiện hành và nhưng không có trong chương trình môn học lớp 9 mới

Đối với những nội dung kiến thức có trong chương trình môn học lớp 9 hiện hành nhưng không có trong chương trình lớp 9 mới cần tinh giản theo hướng:

- Nếu các nội dung kiến thức đó học sinh không cần phải sử dụng để học các nội dung kiến thức khác trong chương trình môn học thì tinh giản theo hướng không dạy, không thực hiện.

- Nếu các nội dung kiến thức đó học sinh cần sử dụng để học các nội dung kiến thức liên quan trong chương trình môn học thì tinh giản theo hướng "hướng dẫn học sinh tự học" hoặc tích hợp vào bài học, chủ đề cần sử dụng để tổ chức cho học sinh học tập cùng với kiến thức liên quan.

III. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục môn học

Việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục môn học/hoạt động giáo dục được phân công phụ trách là yêu cầu bắt buộc đối với mỗi giáo viên. Kế hoạch dạy học và giáo dục môn học/hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu hoàn thành chương trình môn học/hoạt động phù hợp với điều kiện bảo đảm chất lượng về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trong nhà trường. Kế hoạch dạy học và giáo dục của mỗi môn học/hoạt động giáo dục phải bảo đảm các nội dung tối thiểu như sau:

KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:
TỔ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp:; **Số học sinh:**; **Số học sinh lựa chọn học chuyên đề (nếu có):**.....

2. Tình hình đội ngũ: giáo viên trình độ đào tạo năng lực nghề nghiệp

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				
...				

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học⁹

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm (5)
1					
2					
...					

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm (5)
1					
2					
3					

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu cần đạt.

(4) Thiết bị dạy học được sử dụng.

(5) Địa điểm tổ chức dạy học: phòng học/phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập/di dân/thực địa.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1				
Cuối Học kỳ 1				
Giữa Học kỳ 2				
Cuối Học kỳ 2				

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

⁹ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....
.....
.....
.....

KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔ: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC (phụ lục 2)

(Năm học 20..... - 20.....)

1. Khối lớp:; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp:; Số học sinh:.....

....

(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.

(2) Yêu cầu cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.

(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.

(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (tuần/tháng/năm).

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).

(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.

(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.

(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

..., ngày tháng năm 20...

TỔ TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Công văn số /BGDDĐT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Họ và tên giáo viên:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, LỚP.....

(Năm học 20..... - 20.....)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1					
2					
...					

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
1					
2					
...					

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.

(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.

(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục)

.....
.....
.....
.....
.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm.....
GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

IV. Xây dựng kế hoạch bài dạy

Đối với mỗi bài học, giáo viên phải xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học theo phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực (12 tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài dạy tại Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014). Cụ thể, mỗi kế hoạch bài dạy phải thể hiện rõ nội dung kiến thức cần dạy (nêu cụ thể nội dung kiến thức học sinh cần học trong bài để thực hiện được yêu cầu cần đạt của nội dung/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục) làm cơ sở thực hiện mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh gắn với nội dung kiến thức đó. Mục tiêu và tiến trình tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học như sau:

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số /BGDĐT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

Trường:.....
Tổ:.....

Họ và tên giáo viên:
.....

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục:; lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Nêu cụ thể yêu cầu cần đạt về kiến thức học sinh cần học trong bài để thực hiện được yêu cầu cần đạt của nội dung/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu học sinh **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh và vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

3. Phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*)

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lý tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.*

d) Tổ chức thực hiện: *Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.*

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*).

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.*

c) Sản phẩm: *Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.*

d) Tổ chức thực hiện: *Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.*

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.*

c) Sản phẩm: *Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.*

d) Tổ chức thực hiện: *Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.*

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: *Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).*

b) Nội dung: *Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.*

c) Sản phẩm: *Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.*

d) Tổ chức thực hiện: *Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.*

Ghi chú:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kĩ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/làm.

3. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận): Trình bày cụ thể giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể học sinh thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể "ý đồ" lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để học sinh ghi nhận, thực hiện.

- Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt"): Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo./.

V. Một số lưu ý về phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực

1. Đặc trưng của các phương pháp dạy học tích cực

Phương pháp dạy học tích cực được dùng để chỉ các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Phương pháp dạy học tích cực hướng tới việc hoạt động hoá, tích cực hoá hoạt động nhận thức của người học, nghĩa là tập trung vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập trung vào phát huy tính tích cực của người dạy, tuy nhiên để dạy học theo phương pháp tích cực thì giáo viên phải nỗ lực nhiều so với dạy theo

phương pháp thụ động. Phương pháp dạy học tích cực nhấn mạnh việc lấy *hoạt động học* làm trung tâm của quá trình dạy học, nghĩa là nhấn mạnh hoạt động học và vai trò của học sinh trong quá trình dạy học, khác với cách tiếp cận truyền thống lâu nay là nhấn mạnh hoạt động dạy và vai trò của giáo viên. Mặc dù có thể được thể hiện qua nhiều phương pháp khác nhau nhưng nhìn chung các phương pháp dạy học tích cực đều có những đặc trưng cơ bản sau:

a) Dạy học là tổ chức các hoạt động học tập của học sinh

Trong phương pháp dạy học tích cực, học sinh được cuốn hút vào các hoạt động học tập do giáo viên tổ chức và chỉ đạo, thông qua đó tự lực khám phá những điều mình chưa rõ chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức đã được giáo viên sắp đặt. Được đặt vào những tình huống của đời sống thực tế, học sinh trực tiếp quan sát, thảo luận, làm thí nghiệm, giải quyết vấn đề đặt ra theo cách suy nghĩ của mình, từ đó nắm được kiến thức kỹ năng mới, vừa nắm được phương pháp chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng đó, không rập theo những khuôn mẫu sẵn có, được bộc lộ và phát huy tiềm năng sáng tạo. Dạy theo cách này thì giáo viên không chỉ giản đơn truyền đạt tri thức mà còn hướng dẫn hành động.

b) Dạy học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học

Các phương pháp dạy học tích cực coi việc rèn luyện phương pháp học tập cho học sinh không chỉ là một biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học mà còn là một mục tiêu dạy học. Trong các phương pháp học thì cốt lõi là phương pháp tự học. Nếu rèn luyện cho người học có được phương pháp, kỹ năng, thói quen, ý chí tự học thì sẽ tạo cho họ lòng ham học, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi con người, kết quả học tập sẽ được nhân lên gấp bội. Vì vậy, cần phải nhấn mạnh mặt hoạt động học trong quá trình dạy học, nỗ lực tạo ra sự chuyển biến từ học tập thụ động sang tự học chủ động, đặt vấn đề phát triển tự học ngay trong trường phổ thông, không chỉ tự học ở nhà sau bài lên lớp mà tự học cả trong tiết học có sự hướng dẫn của giáo viên.

c) Dạy học tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác

Trong một lớp học mà trình độ kiến thức, tư duy của học sinh không thể đồng đều tuyệt đối thì khi áp dụng phương pháp tích cực phải có sự phân hóa về cường độ, tiến độ hoàn thành nhiệm vụ học tập, nhất là khi bài học được thiết kế thành một chuỗi hoạt động độc lập. Áp dụng phương pháp tích cực ở trình độ càng cao thì sự phân hóa này càng lớn. Tuy nhiên, trong học tập, không phải mọi tri thức, kỹ năng, thái độ đều được hình thành bằng những hoạt động độc lập cá nhân. Lớp học là môi trường giao tiếp giáo viên - học sinh và học sinh - học sinh, tạo nên mối quan hệ hợp tác giữa các cá nhân trên con đường chiếm lĩnh nội dung học tập.

Thông qua thảo luận, tranh luận trong tập thể, ý kiến mỗi cá nhân được bộc lộ, khẳng định hay bác bỏ, qua đó người học nâng mình lên một trình độ mới. Được sử dụng phổ biến trong dạy học hiện nay là hoạt động hợp tác trong nhóm nhỏ. Học tập hợp tác làm tăng hiệu quả học tập, nhất là lúc phải giải quyết những vấn đề gay gắt, lúc xuất hiện thực sự nhu cầu phối hợp giữa các cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ chung.

d) Dạy học có sự kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò

Trong quá trình dạy học, việc đánh giá học sinh không chỉ nhằm mục đích nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động học của trò mà còn đồng thời tạo điều kiện nhận định thực trạng và điều chỉnh hoạt động dạy của thầy. Trong phương pháp tích cực, giáo viên phải hướng dẫn học sinh phát triển kỹ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh cách học. Liên quan với điều này, giáo viên cần tạo điều kiện thuận lợi để học sinh được tham gia đánh giá lẫn nhau.

Trong dạy học tích cực, giáo viên không còn đóng vai trò đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, giáo viên trở thành người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để học sinh tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình. Trên lớp, học sinh hoạt động là chính, giáo viên có vẻ "nhàn" hơn nhưng trước đó, khi soạn giáo án, giáo viên đã phải đầu tư công sức, thời gian rất nhiều so với kiểu dạy và học thụ động mới có thể thực hiện bài lên lớp với vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài trong các hoạt động tìm tòi hào hứng, tranh luận sôi nổi của học sinh. Giáo viên phải có trình độ chuyên môn sâu rộng, có trình độ sư phạm lành nghề mới có thể tổ chức, hướng dẫn các hoạt động của học sinh mà nhiều khi diễn biến ngoài tầm dự kiến của giáo viên.

Với các đặc trưng trên, có nhiều phương pháp dạy học tích cực ("Bàn tay nặn bột", Dạy học giải quyết vấn đề, Dạy học khám phá, Dạy học dự án, Mô hình 5E...) nhưng đều có một điểm chung là thiết kế tiến trình dạy học mỗi bài học (theo chủ đề) thành một chuỗi hoạt động học bắt đầu bằng một hoạt động mở đầu, xác định vấn đề cần giải quyết cho cả bài học ấy. Sau khi học sinh đã ý thức được vấn đề cần giải quyết trong bài học sẽ xuất hiện nhu cầu cần học thêm kiến thức mới để giải quyết vấn đề, dẫn tới hoạt động tiếp theo để học sinh chiếm lĩnh kiến thức mới cần dạy trong bài này. Sau khi đã học được kiến thức mới để giải quyết vấn đề đặt ra từ hoạt động mở đầu, đòi hỏi phải tổ chức cho học sinh luyện tập (thông qua hệ thống câu hỏi, hệ thống bài tập, làm thí nghiệm, làm thực hành) để nắm vững kiến thức mới học và phát triển các kỹ năng. Cuối cùng, để đạt được mục tiêu phát triển phẩm

chất, năng lực, học sinh cần được giao nhiệm vụ vận dụng kiến thức, kỹ năng mới học để giải quyết những vấn đề trong các tình huống thực tiễn. Đi sâu vào đặc trưng của mỗi phương pháp thì các hoạt động nói trên sẽ được tổ chức theo một cách thức khác nhau, phù hợp với nội dung kiến thức, kỹ năng và phẩm chất, năng lực cần phát triển cho học sinh. Sự khác nhau của các phương pháp khác nhau là ở nội dung về tính chất hoạt động.

2. Đặc trưng của các kỹ thuật dạy học tích cực

Để tổ chức các hoạt động học cho học sinh có rất nhiều kỹ thuật dạy học tích cực mà giáo viên đã được tiếp cận, sử dụng ngay từ khi đào tạo trong trường sư phạm cũng như quá trình tập huấn thường xuyên (động não, bản đồ tư duy, khăn trải bàn, XYZ, mảnh ghép...). Tuy nhiên, tất cả các kỹ thuật dạy học đều có một điểm chung là phải trải qua 4 bước cơ bản: chuyển giao nhiệm vụ; thực hiện nhiệm vụ; báo cáo, thảo luận; kết luận, nhận định. Để thực hiện tốt phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, trong kế hoạch bài dạy cần xây dựng như sau:

(1) Mỗi bài dạy cần xây dựng theo chủ đề để thực hiện trong nhiều tiết học; bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

(2) Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/làm.

(3) Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Chuyển giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận): Trình bày cụ thể giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể học sinh thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể "ý đồ" lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay

máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để học sinh ghi nhận, thực hiện.

- Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt"): Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo./.

PHẦN THỨ HAI

BÁO CÁO KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐỐI CHIẾU GIỮA CHƯƠNG TRÌNH MÔN ÂM NHẠC 2006 VỚI CHƯƠNG TRÌNH MÔN ÂM NHẠC 2018

1. Báo cáo phân tích chi tiết những điểm giống nhau, khác nhau giữa chương trình môn Âm nhạc 2006 với chương trình môn Âm nhạc 2018

1.1. Nội dung chương trình môn Âm nhạc 2006- lớp 9

<i>Chủ đề</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
HỌC HÁT Học 4 bài hát gồm 2 bài hát thanh, thiếu niên; 1 bài dân ca Việt Nam; 1 bài hát hoặc dân ca nước ngoài.	<ul style="list-style-type: none">- Hát đúng giai điệu và diễn cảm, chú trọng nâng cao chất lượng giọng hát.- Biểu diễn bài hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca...	<ul style="list-style-type: none">- Âm vực các bài hát trong phạm vi quãng 11 (hoặc quãng 12).- Các bài hát viết ở giọng trưởng hoặc giọng thứ.- Chọn các bài hát phong phú về nội dung và hình thức biểu hiện. Chú trọng những bài hát cộng đồng.
NHẠC LÝ <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu sơ lược về quãng đúng, quãng trưởng, quãng thứ trong âm vực 1 quãng 8 (Đô 1- Đô 2).- Giới thiệu sơ lược về cấu tạo hợp âm 3 trưởng, hợp âm 3 thứ và hợp âm 7.- Giới thiệu sơ lược về dịch giọng.	<ul style="list-style-type: none">- Biết một số kiến thức về quãng để hiểu được cách cấu tạo hợp âm.- Phân biệt được hợp âm 3 và hợp âm 7.- Có khái niệm bước đầu về dịch giọng.	Cần giới hạn tới mức tối thiểu khi trình bày các nội dung về: quãng, hợp âm và dịch giọng.
TẬP ĐỌC NHẠC Tập đọc 4 bài ở các giọng Son trưởng, Mi thứ, Pha trưởng và Rê thứ. Các bài có giai điệu và tiết tấu đơn	<ul style="list-style-type: none">- Biết đọc gam, đọc đúng giai điệu, tập đánh nhịp và ghép lời.	<ul style="list-style-type: none">- Dạy TĐN cần kết hợp giữa đọc và nghe.- Các bài TĐN không dài quá 24 nhịp và có thể

giản, có lời ca.		dùng nhịp lấy đà.
<p>ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC</p> <p>- Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm: nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới.</p> <p>- Giới thiệu về những bài hát thiếu nhi phổ thơ; những bài hát mang âm hưởng dân ca.</p>	<p>- Biết sơ lược về tiểu sử và sự nghiệp âm nhạc của những nhạc sĩ được giới thiệu.</p> <p>- Có ý thức tìm hiểu và trân trọng nền âm nhạc Việt Nam.</p>	Sử dụng nhiều hình thức dạy học và các thiết bị dạy học giúp HS mở rộng kiến thức và nâng cao cảm thụ âm nhạc.

1.2. Nội dung SGK Âm nhạc lớp 9 hiện hành

Nội dung dạy học trong 18 tuần (18 tiết) của chương trình Âm nhạc lớp 9:

Tuần (Tiết)	Nội dung Âm nhạc 9
1	Học hát: Bài <i>Bóng dáng một ngôi trường</i>
2	- Nhạc lí: Giới thiệu về quãng - Tập đọc nhạc: Giọng Sơn trường - TĐN số 1
3	- Ôn tập bài hát: <i>Bóng dáng một ngôi trường</i> - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 1 - Âm nhạc thường thức: Ca khúc thiếu nhi phổ thơ
4	Học hát: Bài <i>Nụ cười</i>
5	- Ôn tập bài hát: <i>Nụ cười</i> - Tập đọc nhạc: Giọng Mi thứ - TĐN số 2
6	- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 2 - Nhạc lí: Sơ lược về hợp âm - Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Trai-côp-xki

7	Ôn tập và kiểm tra
8	Học hát: Bài <i>Nói vòng tay lớn</i>
9	- Nhạc lí: Giới thiệu về dịch giọng - Tập đọc nhạc: Giọng Pha trưởng - TĐN số 3
10	- Ôn tập bài hát: <i>Nói vòng tay lớn</i> - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 3 - Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý và bài hát <i>Mẹ yêu con</i>
11	Học hát: Bài <i>Lí kéo chài</i>
12	- Ôn tập bài hát: <i>Lí kéo chài</i> - Tập đọc nhạc: Giọng Rê thứ - TĐN số 4
13	- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 4 - Âm nhạc thường thức: Một số ca khúc mang âm hưởng dân ca
14	Ôn tập và kiểm tra
15	Bài hát do địa phương tự chọn
16	Ôn tập và kiểm tra cuối học kì
17	Ôn tập và kiểm tra cuối học kì
18	Ôn tập và kiểm tra cuối học kì
	Phụ lục. Một số bài hát có thể bổ sung thay thế hoặc dùng cho ngoại khoá

1.3. Nội dung chương trình môn Âm nhạc 2018- lớp 9

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hát Bài hát tuổi học sinh (14 – 15 tuổi),	– Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. – Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<p>dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 hoặc 3 bè đơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết hát đơn ca, song ca; hát tốp ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản. – Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát; biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. – Nêu được tên bài hát, tên tác giả, nội dung hoặc giá trị nghệ thuật của bài hát. – Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng. – Biết nhận xét, đánh giá về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác. – Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp. – Biết dàn dựng và biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường.
<p><i>Nghe nhạc</i> Nghe một số bản nhạc có lời và không lời phù hợp với độ tuổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết lắng nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. – Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc; biết tưởng tượng khi nghe nhạc. – Nhận ra tên bản nhạc và tên tác giả từ một vài nét nhạc điển hình.
<p><i>Đọc nhạc</i> Giọng Đô trưởng và La thứ. Bài luyện tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, móc kép và các dấu lặng. Một</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng và gam La thứ. – Đọc đúng tên nốt, cao độ và trường độ bài đọc nhạc; thể hiện được tính chất âm nhạc. – Phân biệt được màu sắc âm nhạc của điệu trưởng và điệu thứ. – Cảm nhận được sự hoà quyện của âm thanh khi đọc nhạc có bè. – Giải thích được ý nghĩa của các kí hiệu trong bài đọc nhạc; phân biệt và giải thích được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. – Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
số bài có 2 hoặc 3 bè đơn giản.	
<p>Nhạc cụ</p> <p>Một số bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, móc kép và các dấu lặng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định. – Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. – Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu và hoà tấu. – Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát, bản nhạc. – Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách. – Biết dàn dựng và biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.
<p>Lí thuyết âm nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sơ lược về quãng, xác định và gọi tên quãng theo độ lớn số lượng. – Sơ lược về dịch giọng. – Sơ lược về hợp âm. Một số hợp âm của các giọng Đô trưởng, La thứ. 	<ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện được một số kí hiệu âm nhạc thông qua thực hành. – Giải thích được ý nghĩa của một số kí hiệu và thuật ngữ âm nhạc. – So sánh được độ lớn số lượng của các quãng. – Nhận biết được một số hợp âm của giọng Đô trưởng và giọng La thứ. – Biết vận dụng kiến thức đã học khi hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ, tìm hiểu bản nhạc,... – Biết ghi chép bản nhạc; dịch giọng bản nhạc theo hướng dẫn của giáo viên.
<p>Thường thức âm nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tìm hiểu nhạc cụ: Một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> – Cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ. – Nêu được tên và các đặc điểm của nhạc cụ. – Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn. – Gọi được tên hình thức biểu diễn mà nhạc cụ tham gia diễn tấu như song tấu, tam tấu, tứ tấu,...
<ul style="list-style-type: none"> – Tác giả và tác phẩm: Một số nhạc 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ; kể tên một vài tác phẩm tiêu biểu.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới.	<ul style="list-style-type: none"> – Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc. – Biết vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc.
– Thể loại âm nhạc: Một số thể loại nhạc đàn.	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được đặc điểm một số thể loại nhạc đàn. – Nhận biết được một số thể loại nhạc đàn. – Vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc.
– Âm nhạc và đời sống: Một số di sản văn hoá phi vật thể (liên quan đến âm nhạc) được UNESCO công nhận.	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được những di sản văn hoá đã học. – Nêu được vài nét về di sản văn hoá đã học. – Giới thiệu về di sản văn hoá cho người khác.

1.4. Nhận xét khái quát về 2 chương trình

Chương trình môn Âm nhạc 2018 kế thừa và phát huy những ưu điểm của chương trình môn Âm nhạc 2006, dựa trên một số quan điểm:

- Tập trung phát triển ở học sinh năng lực âm nhạc, biểu hiện của năng lực thẩm mỹ trong lĩnh vực âm nhạc thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức cơ bản, thiết thực; chú trọng thực hành; góp phần phát triển hài hoà đức, trí, thể, mỹ và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

- Tiếp thu kinh nghiệm xây dựng chương trình của một số nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Nội dung giáo dục của chương trình được thiết kế theo hướng kết hợp giữa đồng tâm với tuyến tính; thể hiện rõ đặc trưng nghệ thuật âm nhạc và bản sắc văn hoá dân tộc; tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên.

- Xây dựng những hoạt động học tập đa dạng, với sự phong phú về nội dung và hình thức, nhằm đáp ứng nhu cầu, sở thích của học sinh; tạo được cảm xúc, niềm vui và hứng thú trong học tập.

- Vừa bảo đảm những nội dung giáo dục cốt lõi thống nhất trong cả nước, vừa có tính mở để phù hợp với sự đa dạng về điều kiện và khả năng học tập của học sinh các vùng miền.

1.5. Những điểm giống nhau và khác nhau chủ yếu giữa 2 chương trình

Chương trình môn Âm nhạc 2006		Chương trình môn Âm nhạc 2018
- Kiến thức - Kỹ năng - Thái độ	Mục tiêu, yêu cầu cần đạt	- Thể hiện âm nhạc - Cảm thụ và hiểu biết âm nhạc - Ứng dụng và sáng tạo âm nhạc
- Học hát - Tập đọc nhạc - Nhạc lí - Âm nhạc thường	Nội dung giáo dục	- Hát - Nghe nhạc - Đọc nhạc - Nhạc cụ - Lí thuyết âm nhạc - Thường thức âm nhạc
18 tiết	Thời lượng dạy học	35 tiết

2. Rà soát, điều chỉnh nội dung dạy học theo Chương trình 2018

So sánh về nội dung và mức độ cần đạt của CT môn Âm nhạc 2006 với nội dung và yêu cầu cần đạt của CT môn Âm nhạc 2018, để xác định những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung. Nội dung điều chỉnh, bổ sung là những yêu cầu cần đạt còn thiếu trong CT 2006 so với CT 2018.

CT môn Âm nhạc 2006 (18 tiết)		CT môn Âm nhạc 2018 (35 tiết)		Nội dung điều chỉnh, bổ sung
Nội dung	Mức độ cần đạt	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	
Học hát Học 4 bài hát gồm 2 bài hát thanh, thiếu niên; 1 bài dân ca Việt Nam; 1 bài hát hoặc dân ca nước ngoài.	- Hát đúng giai điệu và diễn cảm, chú trọng nâng cao chất lượng giọng hát. - Biểu diễn bài hát theo hình	Hát Bài hát tuổi học sinh (14 – 15 tuổi), dân ca Việt Nam và bài hát nước ngoài. Các bài hát có nội dung, âm	- Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn	Hát 2 hoặc 3 bài đơn giản.

	<p>thức đơn ca, song ca, tốp ca...</p>	<p>vực phù hợp với độ tuổi; đa dạng về loại nhịp và tính chất âm nhạc. Một số bài có 2 hoặc 3 bè đơn giản.</p>	<p>định.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết hát đơn ca, song ca; hát tốp ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản. – Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của bài hát; biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. – Nêu được tên bài hát, tên tác giả, nội dung hoặc giá trị nghệ thuật của bài hát. – Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng. – Biết nhận xét, đánh giá về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người 	
--	--	--	---	--

			<p>khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp. – Biết dàn dựng và biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường. 	
Không có nội dung nghe nhạc		<p>Nghe nhạc</p> <p>Nghe một số bản nhạc có lời và không lời phù hợp với độ tuổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết lắng nghe và biểu lộ cảm xúc; biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. – Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc; biết tưởng tượng khi nghe nhạc. – Nhận ra tên bản nhạc và tên tác giả từ một vài nét nhạc điển hình. 	Nghe một số bản nhạc không lời, biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.
<p>Nhạc lí</p> <p>- Giới thiệu sơ lược về quãng đúng, quãng</p>	<p>- Biết một số kiến thức về quãng để hiểu</p>	<p>Lí thuyết âm nhạc</p> <p>– Sơ lược về quãng, xác</p>	<p>– Thể hiện được một số kí</p>	(không điều chỉnh, bỏ

<p>trường, quãng thứ trong âm vực 1 quãng 8 (Đô 1- Đô 2).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu sơ lược về cấu tạo hợp âm 3 trường, hợp âm 3 thứ và hợp âm 7. - Giới thiệu sơ lược về dịch giọng. 	<p>được cách cấu tạo hợp âm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hợp âm 3 và hợp âm 7. - Có khái niệm bước đầu về dịch giọng. 	<p>định và gọi tên quãng theo độ lớn số lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ lược về dịch giọng. - Sơ lược về hợp âm. Một số hợp âm của các giọng Đô trưởng, La thứ. 	<p>hiệu âm nhạc thông qua thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được ý nghĩa của một số kí hiệu và thuật ngữ âm nhạc. - So sánh được độ lớn số lượng của các quãng. - Nhận biết được một số hợp âm của giọng Đô trưởng và giọng La thứ. - Biết vận dụng kiến thức đã học khi hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ, tìm hiểu bản nhạc,... - Biết ghi chép bản nhạc; dịch giọng bản nhạc theo hướng dẫn của giáo viên. 	<p>sung)</p>
<p>Tập đọc nhạc Tập đọc 4 bài ở các giọng Son trưởng,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết đọc gam, đọc đúng giai điệu, tập 	<p>Đọc nhạc Giọng Đô trưởng và La thứ. Bài luyện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng và gam 	<p>Đọc nhạc giọng Đô trưởng và La</p>

<p>Mi thứ, Pha trưởng và Rê thứ. Các bài có giai điệu và tiết tấu đơn giản, có lời ca.</p>	<p>đánh nhịp và ghép lời.</p>	<p>tập cơ bản về quãng, về tiết tấu. Các bài đọc nhạc dễ đọc, âm vực phù hợp với độ tuổi. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, móc kép và các dấu lặng. Một số bài có 2 hoặc 3 bè đơn giản.</p>	<p>La thứ.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đọc đúng tên nốt, cao độ và trường độ bài đọc nhạc; thể hiện được tính chất âm nhạc. – Phân biệt được màu sắc âm nhạc của điệu trưởng và điệu thứ. – Cảm nhận được sự hoà quyện của âm thanh khi đọc nhạc có bè. – Giải thích được ý nghĩa của các kí hiệu trong bài đọc nhạc; phân biệt và giải thích được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. – Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp. 	<p>thứ. Một số bài có 2 hoặc 3 bè đơn giản.</p>
<p>Không có nội dung nhạc cụ</p>		<p>Nhạc cụ</p> <p>Một số bài tập tiết tấu, giai</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện đúng cao độ, 	<p>Một số bài tập tiết tấu đơn</p>

		<p>điệu và hoà âm đơn giản. Sử dụng trường độ: tròn, trắng, trắng có chấm dôi, đen, đen có chấm dôi, móc đơn, móc kép và các dấu lặng.</p>	<p>trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. – Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu và hoà tấu. – Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát, bản nhạc. – Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách. – Biết dàn dựng và biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù 	<p>giản.</p> <p>Thể hiện đúng bài tập, duy trì được tốc độ ổn định.</p> <p>Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát, bản nhạc.</p>
--	--	--	---	---

			hợp.	
<p>Âm nhạc thường thức</p> <p>- Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm gồm : nhạc sĩ Việt Nam được Giải thưởng Hồ Chí Minh, nhạc sĩ nổi tiếng thế giới.</p> <p>- Giới thiệu về những bài hát thiếu nhi phổ thơ; những bài hát mang âm hưởng dân ca.</p>	<p>- Biết sơ lược về tiểu sử và sự nghiệp âm nhạc của những nhạc sĩ được giới thiệu.</p> <p>- Có ý thức tìm hiểu và trân trọng nền âm nhạc Việt Nam.</p>	<p>Thường thức âm nhạc</p> <p>– Tìm hiểu nhạc cụ: Một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài.</p>	<p>– Cảm nhận và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ.</p> <p>– Nêu được tên và các đặc điểm của nhạc cụ.</p> <p>– Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn.</p> <p>– Gọi được tên hình thức biểu diễn mà nhạc cụ tham gia diễn tấu như song tấu, tam tấu, tứ tấu,...</p>	(không điều chỉnh, bổ sung)
		<p>– Tác giả và tác phẩm: Một số nhạc sĩ tiêu biểu của Việt Nam và thế giới.</p>	<p>– Nêu được đôi nét về cuộc đời và thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ; kể tên một vài tác phẩm tiêu biểu.</p> <p>– Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.</p>	

			<ul style="list-style-type: none"> – Biết vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc. 	
		<ul style="list-style-type: none"> – Thể loại âm nhạc: Một số thể loại nhạc đàn. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được đặc điểm một số thể loại nhạc đàn. – Nhận biết được một số thể loại nhạc đàn. – Vận dụng kiến thức đã học vào các hoạt động âm nhạc. 	
		<ul style="list-style-type: none"> – Âm nhạc và đời sống: Một số di sản văn hoá phi vật thể (liên quan đến âm nhạc) được UNESCO công nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được những di sản văn hoá đã học. – Nêu được vài nét về di sản văn hoá đã học. – Giới thiệu về di sản văn hoá cho người khác. 	

3. Phân phối chương trình sau khi điều chỉnh

Việc điều chỉnh nội dung dạy học môn Âm nhạc lớp 9 có những lưu ý sau:

- Thời lượng dạy học: 18 tiết.
- Cần sử dụng những nội dung trong SGK Âm nhạc 9 hiện hành, bởi GV và HS vẫn dùng SGK trong các tiết học.
- Không thiết kế đầy đủ nội dung dạy học của lớp 9 theo Chương trình 2018, bởi thời lượng chỉ có 18 tiết. Ví dụ: thường thức âm nhạc không đưa thêm những bài như một số nhạc cụ phổ biến của Việt Nam và nước ngoài; một số thể loại nhạc đàn; một số di sản văn hoá phi vật thể (liên quan đến âm nhạc) được UNESCO công nhận,...
- Tập trung điều chỉnh các nội dung thực hành, phù hợp với đặc trưng của môn Âm nhạc: hát, nghe nhạc, đọc nhạc, nhạc cụ.
- Đảm bảo tính khả thi về thời lượng dạy học, cơ sở vật chất, năng lực của GV và HS,...; đảm bảo tính mở để GV vận dụng linh hoạt và phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nhà trường.

Đối chiếu về nội dung dạy theo phân phối chương trình theo SGK hiện hành và phân phối chương trình sau khi điều chỉnh:

Tuần (Tiết)	Phân phối chương trình theo SGK hiện hành	Phân phối chương trình sau khi điều chỉnh
1	Học hát: Bài <i>Bóng dáng một ngôi trường</i>	Hát: <i>Cánh diều đỏ thắm</i> Nghe nhạc: <i>Chiếc đồng hồ</i> (Leroy Anderson)
2	- Nhạc lí: Giới thiệu về quãng - Tập đọc nhạc: Giọng Son trưởng - TĐN số 1	Ôn tập bài hát: <i>Cánh diều đỏ thắm</i> Đọc nhạc: <i>Cây sáo</i> (Son trưởng) Nhạc cụ: Bài tập tiết tấu số 1
3	- Ôn tập bài hát: <i>Bóng dáng một ngôi trường</i> - Ôn tập Tập đọc nhạc: bài TĐN số 1 - Âm nhạc thường thức: Ca khúc thiếu nhi phổ thơ	Lí thuyết âm nhạc: Giới thiệu về quãng Thường thức âm nhạc: Ca khúc thiếu nhi phổ thơ Nhạc cụ: Bài tập tiết tấu số 2
4	Học hát: Bài <i>Nụ cười</i>	Hát: <i>Nụ cười</i>

		Nghe nhạc: <i>Anh vẫn hành quân</i> (hòa tấu nhạc không lời)
5	- Ôn tập bài hát: <i>Nụ cười</i> - Tập đọc nhạc: Giọng Mi thứ - TĐN số 2	Ôn tập bài hát: <i>Nụ cười</i> Đọc nhạc: <i>Đôi bờ</i> Nhạc cụ: Bài tập tiết tấu số 3
6	- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 2 - Nhạc lí: Sơ lược về hợp âm - Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Trai-cốp-xki	Lí thuyết âm nhạc: Sơ lược về hợp âm Nhạc cụ: Bài tập giai điệu số 1- <i>Ánh trăng</i>
7	Ôn tập và kiểm tra	Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Trai-cốp-xki Nhạc cụ: Bài tập giai điệu số 2- <i>Đôi bờ</i>
8	Học hát: Bài <i>Nói vòng tay lớn</i>	Hát: <i>Nói vòng tay lớn</i> Nhạc cụ: Bài tập tiết tấu số 4
9	- Nhạc lí: Giới thiệu về dịch giọng - Tập đọc nhạc: Giọng Pha trưởng - TĐN số 3	Ôn tập bài hát: <i>Nói vòng tay lớn</i> Đọc nhạc: <i>Lá xanh</i> (Pha trưởng)
10	- Ôn tập bài hát: <i>Nói vòng tay lớn</i> - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 3 - Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý và bài hát <i>Mẹ yêu con</i>	Thường thức âm nhạc: Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý và bài hát <i>Mẹ yêu con</i> Nhạc cụ: Bài tập giai điệu số 3- <i>Làng tôi</i>
11	Học hát: Bài <i>Lí kéo chài</i>	Hát: <i>Lí kéo chài</i> Nghe nhạc: <i>Lí ngựa ô</i> (hòa tấu nhạc cụ dân tộc)
12	- Ôn tập bài hát: <i>Lí kéo chài</i> - Tập đọc nhạc: Giọng Rê thứ - TĐN số 4	Ôn tập bài hát: <i>Lí kéo chài</i> Đọc nhạc: <i>Cánh én tuổi thơ</i> (Rê thứ)

		Hát bè: <i>Cánh én tuổi thơ</i>
13	- Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 4 - Âm nhạc thường thức: Một số ca khúc mang âm hưởng dân ca	Thường thức âm nhạc: Một số ca khúc mang âm hưởng dân ca Nhạc cụ: Bài tập tiết tấu số 5
14	Ôn tập	Ôn tập: 3 bài tập nhạc cụ giai điệu
15	Bài hát do địa phương tự chọn	Đọc nhạc: <i>Mary có con cừu nhỏ - Cây cầu Luân-đôn</i> Nghe nhạc: <i>Mùa xuân</i> (Vivaldi)
16	Ôn tập và kiểm tra cuối học kì	Đọc nhạc: Ôn tập các bài đọc nhạc Nhạc cụ: Ôn tập các bài tập tiết tấu
17	Ôn tập và kiểm tra cuối học kì	Ôn tập 2 bài hát, đọc nhạc Kiểm tra
18	Ôn tập và kiểm tra cuối học kì	Ôn tập 2 bài hát, nhạc cụ Kiểm tra

PHẦN THỨ BA

TỔ CHỨC DẠY HỌC NHỮNG NỘI DUNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH TRONG MÔN ÂM NHẠC LỚP 9 THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

1. Phương pháp dạy học môn Âm nhạc ở THCS

Chương trình môn Âm nhạc thực hiện phương pháp dạy và học theo xu hướng giáo dục hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập và phát triển tiềm năng hoạt động âm nhạc.

Giáo viên chủ động xây dựng môi trường học tập thân thiện để học sinh có cơ hội giao tiếp, hợp tác, trải nghiệm, tìm tòi kiến thức và phát huy tiềm năng âm nhạc; linh hoạt kết hợp nhóm phương pháp dạy học dùng lời với nhóm phương pháp tổ chức hoạt động; tăng cường cho học sinh trải nghiệm và khám phá nghệ thuật âm nhạc thông qua học trong lớp, xem biểu diễn ca nhạc, tham quan di sản văn hoá, giao lưu với các nghệ sĩ, nhạc sĩ, nghệ nhân; dành thời gian thích hợp cho những học sinh có năng khiếu âm nhạc thực hiện vai trò hạt nhân và phát triển năng lực âm nhạc cá nhân.

Quá trình phát triển năng lực âm nhạc là quá trình rèn luyện các kỹ năng thực hành, luyện tập, biểu diễn,... một cách thường xuyên và lâu dài. Vì vậy, trong mỗi tiết học, giáo viên cần linh hoạt xác định mục tiêu với một số yêu cầu cụ thể, phù hợp với nội dung và thời lượng dạy học để tập trung hướng dẫn học sinh thực hành, luyện tập.

Căn cứ vào nội dung dạy học, yêu cầu cần đạt và điều kiện thực tế, giáo viên vận dụng linh hoạt các hoạt động dạy học âm nhạc đặc thù (nghe, đọc, tái hiện, phản ứng, trình diễn, phân tích, đánh giá, ứng dụng, sáng tạo) cho phù hợp và hiệu quả; sử dụng những nhạc cụ có cao độ chuẩn để giúp học sinh phát triển kỹ năng nghe và hát đúng nhạc; hướng dẫn học sinh hoà tấu hoặc đệm cho bài hát, bản nhạc bằng cách kết hợp giữa các loại nhạc cụ và động tác tay, chân (vỗ tay, giậm chân, búng ngón tay,...).

Cấp Trung học cơ sở cần tập trung phát triển các kỹ năng âm nhạc cơ bản; lựa chọn các hoạt động học tập phù hợp với hứng thú và nhận thức của học sinh: nghe nhạc, vận động, đánh giá, phân tích, ứng dụng, sáng tạo,...; thường xuyên củng cố và vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học. Học sinh cần được tiếp cận âm thanh trước khi học kí hiệu âm nhạc, tiếp cận lí thuyết thông qua trải nghiệm thực hành. Lí thuyết âm nhạc không học tách biệt mà được tích hợp trong các nội dung hát, nhạc cụ, đọc nhạc.

Quy trình hướng dẫn HS thực hành:

Bước 1: GV làm mẫu, HS quan sát, lắng nghe.

Bước 2: GV và HS cùng luyện tập.

Bước 3: HS tự luyện tập, GV hỗ trợ.

Bước 4: HS trình bày kết quả, GV đánh giá.

Quy trình này không mâu thuẫn với quy trình dạy hát, đọc nhạc, nghe nhạc, nhạc cụ mà là một phần của những quy trình đó.

2. Thực hành dạy học những nội dung được điều chỉnh

2.1. Hát

Bài tập 1:

Cánh diều đỏ thắm

Trong sáng - Thiết tha

Nhạc và lời: Duy Quang

The musical score is written on a single staff in treble clef, with a key signature of three sharps (F#, C#, G#) and a 3/4 time signature. The melody is simple and melodic, with lyrics written below the notes. The lyrics are: "Đêm qua giấc mơ nào đẹp thế, em mơ thấy cánh diều đậu vào vai em. Cánh diều màu đỏ thắm như khăn quàng đội viên. Hát cho em nghe, ru cho em ngủ, à ơi ru hời, à ơi ru hời. Diều ơi bay lên, bay lên thật cao. Diều ơi bay lên, bay lên trời cao. Bầu trời xanh vẫy gọi, niềm mơ ước khát khao." The score ends with a double bar line and repeat dots.

Đêm qua giấc mơ nào đẹp thế, em mơ thấy cánh
diều đậu vào vai em. Cánh diều màu đỏ thắm như
khăn quàng đội viên. Hát cho em nghe, ru cho em
ngủ, à ơi ru hời, à ơi ru hời. Diều ơi bay lên,
bay lên thật cao. Diều ơi bay lên, bay lên trời cao.
Bầu trời xanh vẫy gọi, niềm mơ ước khát khao.

Gợi ý tiến trình dạy học:

Hoạt động 1: Xác định nhiệm vụ học tập	- GV giới thiệu nội dung bài học và xác định nhiệm vụ của HS: hát đúng giai điệu, lời ca bài <i>Cánh điều đỏ thắm</i> , tập hát có lĩnh xướng.								
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới	<p>- HS nghe bài hát <i>Cánh điều đỏ thắm</i> (xem video hoặc GV trình bày), nêu những hình ảnh mà em thấy yêu thích.</p> <p>- HS tìm thông tin trong bản nhạc để trả lời câu hỏi: Nội dung (hoặc chủ đề) bài hát là gì ? Chia đoạn và chia các câu hát ? Chỉ ra một số kí hiệu âm nhạc ?</p> <p>- HS tập hát theo các bước sau: Bước 1: GV hát mẫu, HS lắng nghe. Bước 2: GV tổ chức cho HS tập hát từng câu, từng đoạn</p>								
Hoạt động 3: Luyện tập	<p>Bước 3: HS tự luyện tập, GV hỗ trợ. GV hướng dẫn HS thể hiện sắc thái và tình cảm của bài hát.</p> <p>Bước 4: Một vài nhóm trình bày bài hát. HS nhận xét, đánh giá. GV bổ sung, động viên, khen ngợi hoặc đưa ra kết luận.</p>								
Hoạt động 4: Vận dụng	<p>- HS tập hát có lĩnh xướng:</p> <table border="1" data-bbox="561 1171 1455 1486"> <thead> <tr> <th data-bbox="561 1171 789 1241">Người hát</th> <th data-bbox="797 1171 1455 1241">Câu hát</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="561 1251 789 1356"><i>Lĩnh xướng 1</i></td> <td data-bbox="797 1251 1455 1356"><i>Đêm qua giấc mơ nào ... khăn quàng đội viên</i></td> </tr> <tr> <td data-bbox="561 1367 789 1419"><i>Lĩnh xướng 2</i></td> <td data-bbox="797 1367 1455 1419"><i>Hát cho em nghe ... à ơi ru hời</i></td> </tr> <tr> <td data-bbox="561 1430 789 1486"><i>Cả lớp</i></td> <td data-bbox="797 1430 1455 1486"><i>Điều ơi bay lên ... ước mơ khát khao</i></td> </tr> </tbody> </table> <p>- Nhiệm vụ sau tiết học: HS học thuộc lời ca và tập biểu diễn theo tổ, nhóm.</p>	Người hát	Câu hát	<i>Lĩnh xướng 1</i>	<i>Đêm qua giấc mơ nào ... khăn quàng đội viên</i>	<i>Lĩnh xướng 2</i>	<i>Hát cho em nghe ... à ơi ru hời</i>	<i>Cả lớp</i>	<i>Điều ơi bay lên ... ước mơ khát khao</i>
Người hát	Câu hát								
<i>Lĩnh xướng 1</i>	<i>Đêm qua giấc mơ nào ... khăn quàng đội viên</i>								
<i>Lĩnh xướng 2</i>	<i>Hát cho em nghe ... à ơi ru hời</i>								
<i>Cả lớp</i>	<i>Điều ơi bay lên ... ước mơ khát khao</i>								

Bài tập 2:

Hát bè hoà âm:

Cánh én tuổi thơ

Trong sáng - Tha thiết

Nhạc và lời: Phạm Tuyên

Một cánh én nhỏ chẳng làm nên mùa xuân, rủ nhau én
(Một cánh én) nhỏ lạc bầy giữa mùa đông, cô đơn giữa
về theo làn nắng ấm dần. Từ trời cao bao la
trời sương mờ giăng trắng đông. Loài chim én gắn với
cánh én liệng bay, thấy mệnh mông xanh tươi bao sắc cỏ
nắng ấm trời xuân, kết bên nhau yêu thương chan chứa tình
cây. Bầu trời xanh tung bay cánh chim tuyết vời, dệt mùa
thân. Hòa bình vui cho bao cánh chim tung trời, dệt mùa
xuân với muôn ngàn tia nắng mới. Những cánh én chấp chới
xuân với muôn ngàn tia nắng mới.
của mọi tuổi thơ, những cánh én lấp lánh đây nhạc và
thơ. Em ước mong sao bầu trời chẳng đen bóng mây, để ngàn chim
hót, để đàn én bay. Những cánh ...bay. Một cánh én...

2.2. Nghe nhạc

Bài tập 1:

Nghe bản *Chiếc đồng hồ* (*The Syncopated Clock*) của Leroy Anderson, vận động cùng đạo cụ là những chiếc khăn voan nhiều màu sắc.

Gợi ý tiến trình dạy học:

Hoạt động 1: Xác định nhiệm vụ học tập	- GV giới thiệu nội dung bài học và xác định nhiệm vụ của HS: lắng nghe, cảm nhận về bản nhạc; vận động cùng đạo cụ.
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới	- HS lắng nghe bản <i>Chiếc đồng hồ</i> trong khoảng 1 phút và trả lời câu hỏi: bản nhạc miêu tả về con người, đồ vật hoặc con vật nào? - GV giới thiệu về tên và tác giả của bản nhạc.
Hoạt động 3: Luyện tập	Bước 1: GV hướng dẫn HS một số động tác vận động khi nghe nhạc: Động tác một: đứng tại chỗ, tay phải vẫy khăn sang hai bên. Động tác hai: đứng tại chỗ, hai tay cầm hai đầu khăn, đưa người sang bên phải rồi bên trái. Động tác ba: di chuyển tự do, tay phải vẫy khăn sang hai bên. Động tác bốn: đứng tại chỗ, tay phải xoay tròn khăn từ dưới lên trên theo hình tròn ốc. Động tác năm: đứng tại chỗ, hai tay tung khăn lên cao rồi đỡ. Bước 2: GV hướng dẫn HS luyện tập các động tác. Bước 3: GV và HS cùng nghe nhạc và vận động. Bước 4: Một vài nhóm vận động theo nhạc. HS nhận xét, đánh giá. GV bổ sung, động viên, khen ngợi hoặc đưa ra kết luận.

Bài tập 2:

Nghe nhạc: *Anh vẫn hành quân* (hoàn tấu nhạc không lời), sáng tác: Huy Du.

- HS lắng nghe, cảm thụ và trả lời câu hỏi: Tính chất hoặc thể loại của bản nhạc là gì? Nhạc cụ nào chơi giai điệu chính?
- HS nghe kết hợp gõ đệm theo tiết tấu.

Bài tập 3:

Nghe nhạc: *Lí ngựa ô* (hoàn tấu nhạc cụ dân tộc), dân ca Nam Bộ.

- HS lắng nghe, cảm thụ và trả lời câu hỏi: Tính chất hoặc thể loại của bản nhạc là gì? Nhạc cụ nào chơi giai điệu chính?
- HS nghe kết hợp vận động hoặc gõ đệm theo tiết tấu.

Bài tập 4:

Nghe nhạc: *Mùa xuân* (Vivaldi).

Nghe bản *Mùa xuân*, trích trong giao hưởng *Bốn mùa* của Antonio Vivaldi và vận động phù hợp với hình tượng âm nhạc (dùng video hoặc tranh ảnh hỗ trợ).

Hình tượng âm nhạc	Vận động
Mặt trời lên, hoa nở	Vỗ hai tay lên đùi nhịp nhàng.
Đàn chim bay lượn	Chụm tay lên miệng như chim hót hoặc dang hai tay như động tác chim bay.
Dòng suối chảy	Bàn tay chuyển động nhẹ nhàng như dòng nước chảy.
Mưa giông, sấm chớp	Chụm hai tay che lên đỉnh đầu như đang trú mưa.

2.3. Đọc nhạc

Bài tập 1:

Đôi bờ

Nhạc Nga

The image shows a musical score for the piece 'Đôi bờ' in 4/4 time. It consists of four staves of music. The first staff starts with a treble clef and a 4/4 time signature. The melody is written in a simple, rhythmic style. The second and third staves continue the melody with various note values and rests. The fourth staff concludes the piece with a double bar line.

Gợi ý tiến trình dạy học:

Hoạt động 1: Xác định nhiệm vụ học tập	- GV giới thiệu nội dung bài học và xác định nhiệm vụ của HS: đọc đúng tên nốt nhạc và giai điệu bài <i>Đôi bờ</i> .
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới	- HS trả lời một số câu hỏi: bản nhạc viết ở giọng gì? gồm mấy câu? có kí hiệu gì cần lưu ý? - HS nghe và đọc gam La thứ.
Hoạt động 3: Luyện tập	- HS tập đọc theo các bước sau: Bước 1: GV đàn giai điệu, HS lắng nghe. Bước 2: GV và HS cùng luyện tập. HS đọc nhạc từng câu, rồi nối câu 1-2, câu 3-4. HS đọc nhạc cả bài. Bước 3: HS đọc nhạc cả bài kết hợp gõ đệm theo phách. Bước 4: HS trình bày kết quả, GV đánh giá.
Hoạt động 4: Vận dụng	- Mỗi HS đọc nhạc một câu, theo hình thức nối tiếp hoặc đối đáp. - HS nghe bài hát <i>Đôi bờ</i> .

Bài tập 2:

Mary có con cừu nhỏ - Cây cầu Luân-đôn

Nhạc nước ngoài

The image shows a musical score for the song 'Mary có con cừu nhỏ - Cây cầu Luân-đôn'. It consists of two systems of two staves each. The first system has a treble clef, a 4/4 time signature, and a key signature of one flat (B-flat). The notes are: C4, D4, E4, F4, G4, A4, B4, C5, G4, F4, E4, D4, C4. The second system has the same notes: C4, D4, E4, F4, G4, A4, B4, C5, G4, F4, E4, D4, C4. Chords are indicated above the staves: C for the first system, G7 for the second system, and C for the third system.

2.4. Nhạc cụ

Bài tập tiết tấu số 1:

Chơi động tác tay, chân kết hợp đọc nhạc bài *Cây sáo*:

The image shows a rhythm exercise for the song 'Cây sáo'. It is in 2/4 time. The rhythm is: quarter note, quarter note, quarter note, quarter note, quarter note, quarter note, quarter note, quarter note. Below the notes are icons representing hand and foot movements: blue hands for the first two notes, orange hands for the next two notes, blue hands for the next two notes, and orange hands for the last two notes.

Gợi ý tiến trình dạy học:

Hoạt động 1: Xác định nhiệm vụ học tập	- GV giới thiệu nội dung bài học và xác định nhiệm vụ của HS: chơi động tác tay, chân đúng tiết tấu, kết hợp đọc nhạc bài <i>Cây sáo</i>
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới	- HS trả lời câu hỏi: Tiết tấu viết ở loại nhịp gì ?
Hoạt động 3: Luyện tập	Bước 1: GV chơi động tác tay, chân làm mẫu, HS quan sát, lắng nghe. Bước 2: GV và HS cùng luyện tập. GV nên đếm 1-2-3-4-5-6

Bài tập giai điệu số 1:

Lựa chọn nhạc cụ phù hợp để chơi giai điệu sau.

Ánh trăng

(Trích)

Dân ca Pháp



Gợi ý tiến trình dạy học:

Hoạt động 1: Xác định nhiệm vụ học tập	- GV giới thiệu nội dung bài học và xác định nhiệm vụ của HS: lựa chọn nhạc cụ phù hợp để chơi đúng nốt nhạc và giai điệu bài <i>Ánh trăng</i> .
Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới	- HS trả lời câu hỏi: Nét nhạc viết ở giọng nào ? Nhịp gì ? Cao độ gồm những nốt nào ? Đặc điểm của nét nhạc là gì ? (gồm 2 câu giống nhau). Chọn nhạc cụ nào để chơi giai điệu ? (HS có thể chọn đàn phím điện tử, kèn phím, sáo recorder,...).
Hoạt động 3: Luyện tập	Bước 1: GV chơi nhạc cụ làm mẫu, HS quan sát, lắng nghe. Bước 2: GV và HS cùng luyện tập, theo những cách sau (hoặc có thể kết hợp các cách): - GV đọc tên từng nốt, HS nghe và luyện tập. - GV chơi nhạc cụ từng nốt, HS nghe và luyện tập. - GV làm kí hiệu bàn tay, HS nhìn và luyện tập. - GV chỉ từng nốt trên bản nhạc, HS nhìn và luyện tập. - HS tự nhìn nốt trên bản nhạc và luyện tập (thị tấu). Bước 3: HS tự luyện tập, GV hỗ trợ. Bước 4: Một vài nhóm trình bày kết quả.
Hoạt động 4: Vận dụng	- HS chơi giai điệu bài <i>Ánh trăng</i> , GV đệm bằng đàn phím điện tử.

Bài tập giai điệu số 2:

Lựa chọn nhạc cụ phù hợp để chơi giai điệu sau.

Đôi bờ

Nhạc Nga



Bài tập giai điệu số 3:

Lựa chọn nhạc cụ phù hợp để chơi giai điệu sau.

Làng tôi

(Trích)

Nhạc: Văn Cao



3. Hướng dẫn kiểm tra đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Âm nhạc nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh; hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy học, quản lý và phát triển chương trình để nâng cao chất lượng giáo dục âm nhạc. Giáo viên đánh giá phẩm chất và năng lực dựa vào những yêu cầu cần đạt; kết hợp đánh giá định tính với đánh giá định lượng; chú trọng đánh giá chẩn đoán kết hợp với đánh giá quá trình học tập, luyện tập, biểu diễn, sáng tạo âm nhạc để thấy được sự tiến bộ của học sinh về ý thức, về năng lực âm nhạc.

Một số hình thức đánh giá:

– Đánh giá chẩn đoán: sử dụng vào đầu giai đoạn dạy học, nhằm giúp giáo viên thu thập những thông tin về kiến thức và kỹ năng âm nhạc của từng học sinh, cũng như những điểm mạnh, những nhu cầu của học sinh, từ đó xây dựng kế hoạch và phương pháp giáo dục thích hợp.

– Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì

Đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình): bao gồm đánh giá chính thức thông qua các hoạt động thực hành, luyện tập, biểu diễn hoặc sáng tạo âm nhạc, dùng bài kiểm tra giấy kết hợp âm thanh, câu hỏi trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc sản phẩm học tập,... và đánh giá không chính thức như: tìm hiểu hồ sơ học tập, quan sát trên lớp, đối thoại, học sinh tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng,... nhằm thu thập những thông tin về quá trình hình thành, phát triển năng lực năng âm nhạc của từng học sinh.

Đánh giá định kì (đánh giá tổng kết): sử dụng ở cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học nhằm phối hợp với đánh giá thường xuyên cung cấp thông tin để phân loại học sinh và điều chỉnh nội dung, phương pháp giáo dục.

– Đánh giá định tính và đánh giá định lượng

Đánh giá định tính: kết quả học tập được mô tả bằng lời nhận xét hoặc biểu thị bằng các chữ cái. Học sinh sử dụng hình thức này để tự đánh giá sau khi kết thúc mỗi nội dung, mỗi chủ đề; giáo viên sử dụng để đánh giá chẩn đoán và đánh giá thường xuyên không chính thức. Đánh giá định tính được sử dụng chủ yếu ở cấp tiểu học.

Đánh giá định lượng: kết quả học tập được biểu thị bằng điểm số. Đánh giá định lượng được sử dụng chủ yếu ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, bảo đảm quan điểm phân hoá dần ở các lớp học trên.

Một số vấn đề lưu ý khi đánh giá thường xuyên:

Cần thường xuyên đánh giá kỹ năng hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ của học sinh, thông qua hình thức cá nhân, cặp, nhóm nhỏ... trong các tiết học.

Cần kết hợp đánh giá kỹ năng hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ với các kỹ năng khác như: gõ đệm, chơi động tác tay, chân, vận động, nhảy múa, đóng kịch, biểu diễn...

Cần khuyến khích học sinh tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng về kết quả học hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ.

Với một số học sinh kĩ năng hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ chưa tốt nên đánh giá qua hình thức trình bày theo nhóm, giúp các em có sự tự tin để hoàn thành bài học.

Minh hoạ một số đề kiểm tra (từ đề 1 đến đề 11 là kiểm tra thường xuyên; đề 12 là kiểm tra định kì):

Đề 1: Trình bày bài hát *Cánh diều đở thắm* (Nhạc và lời: Duy Quang) theo hình thức tốp ca.

Đề 2: Trình bày bài hát *Nói vòng tay lớn* (Nhạc và lời: Trịnh Công Sơn) theo hình thức tốp ca, vận dụng hát có lĩnh xướng.

Đề 3: Trình bày bài hát *Cánh én tuổi thơ* (Nhạc và lời: Phạm Tuyên) theo hình thức tốp ca, vận dụng hát bè.

Đề 4: Nghe trích đoạn 7 bài hát và bản nhạc ngắn (thời gian nghe mỗi bản khoảng 30 giây), đồng thời trả lời các câu hỏi sau:

Câu hỏi	Trả lời
Bài số 1: Bài hát được trình bày bằng hình thức song ca hay tốp ca?	
Bài số 2: Người hát bài này là nam hay nữ?	
Bài số 3: Bài hát này có sử dụng hát bè không?	
Bài số 4: Bản nhạc được trình bày bằng hình thức độc tấu hay hoà tấu?	
Bài số 5: Bản nhạc do loại nhạc cụ nào trình bày?	
Bài số 6: Bản nhạc do mấy nhạc cụ trình bày?	
Bài số 7: Bản nhạc mô tả về đồ vật vật nào?	

Thực hiện bài đánh giá này, giáo viên cần lưu nối tiếp 7 bản nhạc thành một file âm thanh để dễ dàng thao tác.

Đề 5: Đọc nhạc bài *Đôi bờ* kết hợp chơi động tác tay, chân.

Đề 6: Đọc nhạc hai bè bài *Mary có con cừu nhỏ - Cây cầu Luân-đôn*.

Đề 7: Chơi tiết tấu bằng động tác tay, chân, đệm cho bài hát *Lí kéo chài*.

Đề 8: Chơi tiết tấu bằng động tác tay, chân kết hợp đọc nhạc:



Đề 9: Chơi tiết tấu bằng vật dụng sẵn có, đệm cho bài hát *Nụ cười* (Nhạc: Nga; Lời Việt: Phạm Tuyên).

Đề 10: Chơi giai điệu bài *Ánh trăng* bằng recorder.

Đề 11: Chơi giai điệu bài *Làng tôi* bằng kèn phím.

Đề 12: Kiểm tra định kì (dành cho nhóm 4-6 học sinh):

Câu 1: Hát bài *Cánh én tuổi thơ*, vận dụng hát bè.

Câu 2: Đọc nhạc bài *Đôi bờ* kết hợp chơi nhạc cụ (nhạc cụ gõ, động tác tay, chân hoặc vật dụng sẵn có).

PHẦN THỨ TƯ

KẾ HOẠCH TẬP HUẤN

1. Nội dung tập huấn

Thời gian	Nội dung
Ngày 1 (Sáng)	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về bối cảnh tập huấn, mục tiêu tập huấn, các tài liệu tập huấn. - Giới thiệu về Chương trình GDPT 2018; Chương trình môn Âm nhạc 2018; Điều chỉnh nội dung môn Âm nhạc lớp 9. - Thực hành nội dung dạy học: Hát có 2 bè hoặc 3 bè đơn giản.
Ngày 1 (Chiều)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành nội dung dạy học: Hát có 2 bè hoặc 3 bè đơn giản. - Thực hành nội dung dạy học: Đọc nhạc giọng Đô trưởng, giọng La thứ theo kí hiệu bàn tay kết hợp kí hiệu ghi nhạc.
Ngày 2 (Sáng)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành nội dung dạy học: Nhạc cụ chơi giai điệu, tiết tấu, hòa âm.
Ngày 2 (Chiều)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành nội dung dạy học: Nhạc cụ chơi giai điệu, tiết tấu, hòa âm. - Thực hành nội dung dạy học: Nghe và cảm thụ âm nhạc không lời.
Ngày 3 (Sáng)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập.
Ngày 3 (Chiều)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập.

2. Phương pháp tập huấn

Sử dụng kết hợp các phương pháp sau:

Nhóm phương pháp dùng lời (giới thiệu, thuyết trình, phát vấn, thảo luận, giao tiếp, giải thích, kể chuyện, nêu vấn đề, chứng minh,...).

Nhóm phương pháp tổ chức hoạt động (thực hành, trực quan, làm mẫu, luyện tập, trò chơi, trình diễn, mô phỏng, đóng vai,...).

3. Phương tiện tập huấn

Giáo viên cần có 1 nhạc cụ để thực hành: sáo recorder hoặc kèn phím.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục I

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC

(Kèm theo Công văn số /BGDDĐT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH DẠY HỌC

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, LỚP.....

(Năm học 20..... - 20.....)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp:; Số học sinh:; Số học sinh lựa chọn học chuyên đề (nếu có):.....

2. Tình hình đội ngũ: giáo viên trình độ đào tạo năng lực nghề nghiệp

3. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				
...				

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học¹⁰

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm (5)
1					
2					
...					

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm (5)
1					
2					
3					

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.

(3) Yêu cầu cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu cần đạt.

(4) Thiết bị dạy học được sử dụng.

¹⁰ Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn

(5) Địa điểm tổ chức dạy học: phòng học/phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập/di dân/thực địa.

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1				
Cuối Học kỳ 1				
Giữa Học kỳ 2				
Cuối Học kỳ 2				

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục II

KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Năm học 20..... - 20.....)

I. Đặc điểm tình hình

1. Số lớp:.....; Số học sinh:; Số tiết học:

2. Tình hình đội ngũ: giáo viên trình độ đào tạo năng lực nghề nghiệp

3. Thiết bị giáo dục: (Trình bày cụ thể các thiết bị giáo dục có thể sử dụng trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm).

STT	Thiết bị giáo dục	Số lượng	Các chủ đề/hoạt động được sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

4. Phòng thí nghiệm, thực hành/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập/địa điểm ngoài nhà trường (Trình bày cụ thể các phòng học/sân chơi/bãi tập/địa điểm ngoài nhà trường có thể sử dụng để tổ chức các hoạt động trải nghiệm)

STT	Tên phòng/địa điểm	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục

1. Khối lớp:; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp:; Số học sinh:.....

....

(1) Tên chủ đề tham quan, cắm trại, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.

(2) Yêu cầu cần đạt của hoạt động giáo dục đối với các đối tượng tham gia.

(3) Số tiết được sử dụng để thực hiện hoạt động.

(4) Thời điểm thực hiện hoạt động (ngày/tháng/năm).

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động (phòng thí nghiệm, thực hành, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập, cơ sở sản xuất, kinh doanh, tại di sản, tại thực địa...).

(6) Đơn vị, cá nhân chủ trì tổ chức hoạt động.

(7) Đơn vị, cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động.

(8) Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, học liệu...

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục III

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Công văn số /BGDDĐT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

TRƯỜNG:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỔ:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Họ và tên giáo viên:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, LỚP.....

(Năm học 20..... - 20.....)

I. Đặc điểm tình hình

1. Lớp được phân công:.....; Số học sinh:.....; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn:

2. Thiết bị dạy học: (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Bộ thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				
...				

3. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập (Trình bày cụ thể các phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học và giáo dục

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Mức độ/yêu cầu cần đạt (4)	Thiết bị dạy học (5)	Địa điểm dạy học (6)
1						
2						
...						

2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Mức độ/yêu cầu cần đạt (4)	Thiết bị dạy học (5)	Địa điểm dạy học (6)
1						
2						
3						

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.

(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.

(4) Yêu cầu cần đạt theo chương trình môn học.

(5) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.

(6) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Mức độ/yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)	Địa điểm (5)
Giữa Học kỳ 1					
Cuối Học kỳ 1					
Giữa Học kỳ 2					
Cuối Học kỳ 2					

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá

(2) Ngày/tháng/năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá

(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình)

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

(5) Địa điểm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

III. Các nhiệm vụ khác

1. Bồi dưỡng học sinh giỏi (nếu có):

STT	Nội dung (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Mức độ/yêu cầu cần đạt (4)	Thiết bị dạy học (5)	Địa điểm dạy học (6)
1						
2						
...						

2. Phụ đạo học sinh yếu, kém (nếu có):

STT	Nội dung (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Mức độ/yêu cầu cần đạt (4)	Thiết bị dạy học (5)	Địa điểm dạy học (6)
1						
2						
...						

3. Các nhiệm vụ khác (nếu có):

.....
.....

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

... ngày tháng năm
GIÁO VIÊN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục IV
KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số /BGDDĐT-GDTrH ngày tháng 12 năm 2020 của Bộ
GDĐT)

Trường:.....

Họ và tên giáo viên:

Tổ:.....

.....

TÊN BÀI DẠY:

Môn học/Hoạt động giáo dục:; lớp:.....

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức: Nêu cụ thể yêu cầu cần đạt về kiến thức học sinh cần học trong bài để thực hiện được yêu cầu cần đạt của nội dung/chủ đề tương ứng trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Năng lực: Nêu cụ thể yêu cầu học sinh **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

3. Phẩm chất: Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

Nêu cụ thể các thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho học sinh hoạt động nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của bài dạy (muốn hình thành phẩm chất, năng lực nào thì hoạt động học phải tương ứng và phù hợp).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề/nhiệm vụ học tập/Mở đầu (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động)

a) Mục tiêu: *Nêu mục tiêu giúp học sinh xác định được vấn đề/nhiệm vụ cụ thể cần giải quyết trong bài học hoặc xác định rõ cách thức giải quyết vấn đề/ thực hiện nhiệm vụ trong các hoạt động tiếp theo của bài học.*

b) Nội dung: *Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể mà học sinh phải thực hiện (xử lí tình huống, câu hỏi, bài tập, thí nghiệm, thực hành...) để xác định vấn đề cần*

giải quyết/nhiệm vụ học tập cần thực hiện và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề/cách thức thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể yêu cầu về nội dung và hình thức của sản phẩm hoạt động theo nội dung yêu cầu/nhiệm vụ mà học sinh phải hoàn thành: kết quả xử lý tình huống; đáp án của câu hỏi, bài tập; kết quả thí nghiệm, thực hành; trình bày, mô tả được vấn đề cần giải quyết hoặc nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) Tổ chức thực hiện: Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho học sinh từ chuyển giao nhiệm vụ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ thông qua sản phẩm học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực thi nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1 (Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động).

a) Mục tiêu: Nêu mục tiêu giúp học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới/giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ đặt ra từ Hoạt động 1.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung yêu cầu/nhiệm vụ cụ thể của học sinh làm việc với sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu cụ thể (đọc/xem/nghe/nói/làm) để chiếm lĩnh/vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập đã đặt ra từ Hoạt động 1.

c) Sản phẩm: Trình bày cụ thể về kiến thức mới/kết quả giải quyết vấn đề/thực hiện nhiệm vụ học tập mà học sinh cần viết ra, trình bày được.

d) Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học và yêu cầu phát triển các kỹ năng vận dụng kiến thức cho học sinh.

b) Nội dung: Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập, bài thực hành, thí nghiệm giao cho học sinh thực hiện.

c) Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập; các bài thực hành, thí nghiệm do học sinh thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.

d) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho học sinh; hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực của học sinh thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn (theo từng bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp).

b) Nội dung: *Mô tả rõ yêu cầu học sinh phát hiện/đề xuất các vấn đề/tình huống trong thực tiễn gắn với nội dung bài học và vận dụng kiến thức mới học để giải quyết.*

c) Sản phẩm: *Nêu rõ yêu cầu về nội dung và hình thức báo cáo phát hiện và giải quyết tình huống/vấn đề trong thực tiễn.*

d) Tổ chức thực hiện: *Giao cho học sinh thực hiện ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học/hoạt động giáo dục của giáo viên.*

Ghi chú:

1. Mỗi bài dạy có thể được thực hiện trong nhiều tiết học, bảo đảm đủ thời gian dành cho mỗi hoạt động để học sinh thực hiện hiệu quả. Hệ thống câu hỏi, bài tập luyện tập cần bảo đảm yêu cầu tối thiểu về số lượng và đủ về thể loại theo yêu cầu phát triển các kỹ năng. Hoạt động vận dụng được thực hiện đối với những bài hoặc nhóm bài có nội dung phù hợp và chủ yếu được giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học.

2. Trong Kế hoạch bài dạy không cần nêu cụ thể lời nói của giáo viên, học sinh mà tập trung mô tả rõ hoạt động cụ thể của giáo viên: giáo viên giao nhiệm vụ/yêu cầu/quan sát/theo dõi/hướng dẫn/nhận xét/gợi ý/kiểm tra/đánh giá; học sinh đọc/nghe/nhìn/viết/trình bày/báo cáo/thí nghiệm/thực hành/làm.

3. Các bước tổ chức thực hiện một hoạt động học

- Chuyên giao nhiệm vụ (giáo viên giao, học sinh nhận): Trình bày cụ thể giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh (đọc/nghe/nhìn/làm) với thiết bị dạy học/học liệu cụ thể để tất cả học sinh đều hiểu rõ nhiệm vụ phải thực hiện.

- Thực hiện nhiệm vụ (học sinh thực hiện, giáo viên theo dõi, hỗ trợ): Trình bày cụ thể học sinh thực hiện nhiệm vụ (đọc/nghe/nhìn/làm) gì theo yêu cầu của giáo viên; dự kiến những khó khăn mà học sinh có thể gặp phải kèm theo biện pháp cần hỗ trợ; dự kiến các mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

- Báo cáo, thảo luận (giáo viên tổ chức, điều hành; học sinh báo cáo, thảo luận): Trình bày cụ thể "ý đồ" lựa chọn các nhóm học sinh báo cáo và cách thức cho học sinh báo cáo (có thể chỉ 1-2 nhóm; viết lên bảng hay dùng giấy A0 hay máy chiếu, thuyết trình). Nêu rõ cần làm rõ những nội dung/yêu cầu nào để học sinh ghi nhận, thực hiện.

- Kết luận, nhận định (giáo viên "chốt"): Trình bày cụ thể sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành theo yêu cầu (làm căn cứ để nhận xét, đánh giá các mức độ hoàn thành của học sinh trên thực tế tổ chức dạy học): Làm rõ vấn đề cần giải quyết/giải thích; nhiệm vụ học tập phải thực hiện tiếp theo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Sách giáo khoa Âm nhạc 9, NXB Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc.
4. Lê Anh Tuấn (chủ biên), Đỗ Thanh Hiên, Hồ Ngọc Khải (2019), Hướng dẫn dạy học môn Nghệ thuật trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông mới- Phần Âm nhạc, NXB Đại học Sư phạm.

